TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC X – GIA LAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2026/HNGĐ-ST
Ngày 20 tháng 01 năm 2026
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC X - GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Tiến
Các Hội thẩm nhân dân:
-Bà Trần Thị Túy Uyển
-Bà Nguyễn Thị Bắc
-Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Hoàn - Cán bộ Tòa án nhân dân khu vực X - Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực X - Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Nguyễn Thanh An - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2026 tại Hội trường xét xử của Tòa án nhân dân thành khu vực X - Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 284/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2025 về việc *tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung,* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2026/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hồ Thị Mỹ T, sinh ngày 22/02/198x (Có mặt).
Địa chỉ: 39/5 H, tổ x, phường Hội P, tỉnh Gia Lai.
CCCD 06418200xxxx, cấp ngày 04/4/2021.
Bị đơn: Anh Phạm Ngọc C, sinh ngày 12/02/197x (Vắng mặt).
Địa chỉ: 39/5 H, tổ x, phường Hội P, tỉnh Gia Lai.
CCCD 06407800xxxx, cấp ngày 27/12/2021.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 29 tháng 10 năm 2025, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn là chị Hồ Thị Mỹ T trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Phạm Ngọc C tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau và đi đến đăng ký kết hôn vào ngày 10/6/2005, tại Ủy ban nhân dân phường Hội T, thành phố P (nay là phường P), tỉnh Gia Lai. Trong thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng không cùng chung quan điểm sống, anh Phạm Ngọc C không chịu đi làm, thường xuyên ăn nhậu, chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần, không quan tâm đến gia đình, thường xuyên đánh đập và uy hiếp tinh thần vợ, con. Vợ chồng đã sống ly

thân và bỏ mặc nhau từ tháng 9 năm 2024, đến nay tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, chất lượng cuộc sống giữa hai vợ chồng không được đảm bảo. Tình trạng hôn nhân đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện tại tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Phạm Ngọc C.

*Về con chung: Tôi và anh Phạm Ngọc C có 02 con chung là Phạm Thị Mỹ N, sinh ngày 01/7/2006 và cháu Phạm Thuỳ D, sinh ngày 28/9/2014. Hiện nay cháu Phạm Thị Mỹ N đã thành niên và sống tự lập được. Ly hôn tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Thuỳ D và không yêu cầu anh Phạm Ngọc C cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hồ Thị Mỹ T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về án phí: Chị Hồ Thị Mỹ T tự nguyện chịu toàn bộ án phí để sung quỹ Nhà nước.

Quá trình chuẩn bị xét xử, tham gia tố tụng và tại phiên tòa bị đơn anh Phạm Ngọc C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do nên không có lời khai tại hồ sơ.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Tòa án và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng theo các thủ tục, trình tự tố tụng mà pháp luật quy định về việc thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử, thu thập chứng cứ, có đủ cơ sở để giải quyết vụ án. Đối với các đương sự, nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng, bị đơn đã không chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho chị T được ly hôn với anh C. Giao cháu D cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Buộc chị T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Chị Hồ Thị Mỹ T và anh Phạm Ngọc C tự nguyện yêu thương đăng ký kết hôn vào năm 2005 tại Ủy ban nhân dân phường Hội T, thành phố P (nay là phường P), tỉnh Gia Lai. Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh C được đăng ký theo đúng trình tự, thủ tục và đúng cơ quan nhà nước có thẩm quyền, không vi phạm những trường hợp cấm kết hôn nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Nay chị T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh C và giải quyết việc nuôi con chung. Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung, bị đơn có địa chỉ cư trú trên địa bàn phường Hội P, tỉnh Gia Lai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực x – Gia Lai theo loại việc, theo lãnh thổ và theo cấp xét xử.

[2] Đối với bị đơn anh Phạm Ngọc C, trong quá trình chuẩn bị xét xử đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ để anh C thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, nhưng anh C vắng mặt không có lý do, thể hiện ý thức chấp hành pháp luật không nghiêm túc, không chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật, từ bỏ quyền tự bảo vệ mình. Tại phiên tòa hôm nay là phiên tòa lần thứ hai anh C tiếp tục vắng mặt không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử, giải quyết vụ án vắng mặt anh C theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T đối với anh C. Hội đồng xét xử xét thấy sau khi đăng ký kết hôn và về chung sống với nhau cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị T là vợ chồng không cùng chung quan điểm sống, anh Phạm Ngọc C không chịu làm ăn, thường xuyên ăn nhậu, chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần, không quan tâm chăm lo đến gia đình, thường xuyên đánh đập và uy hiếp tinh thần vợ, con. Theo kết quả xác minh tại chính quyền địa phương thì hai vợ chồng đã sống ly thân từ 04 năm trước đây, nhưng tình trạng mâu thuẫn giữa hai vợ chồng như thế nào thì địa phương không nắm được, tại địa chỉ 39/5 H, tổ x, phường Hội P, tỉnh Gia Lai chỉ có một mình anh C sinh sống và cư trú. Quá trình chuẩn bị xét xử Tòa án đã triệu tập anh C đến Tòa án trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng anh C không chấp hành, điều này thể hiện ý thức chấp hành pháp luật không tốt, đã từ bỏ quyền chứng minh phản đối yêu cầu khởi kiện, bỏ mặc không quan tâm đến cuộc hôn nhân giữa hai vợ chồng. Chị T xin ly hôn, nhưng anh C không phản đối và không có ý kiến gì, hai vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai nên không còn tình nghĩa vợ chồng, vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, không có đời sống chung, do đó có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cho chị T được ly hôn với anh C là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Chị Hồ Thị Mỹ T và anh Phạm Ngọc C có hai con chung là cháu Phạm Thị Mỹ N, sinh ngày 01/7/2006 và cháu Phạm Thùy D, sinh ngày 28/9/2014 (Nguyện vọng được sống với mẹ). Hiện cháu Phạm Thị Mỹ N đã thành niên và sống tự lập được. Ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi cháu D, anh C vắng mặt, không có lời khai tại hồ sơ thể hiện nguyện vọng nuôi con. HĐXX xét thấy việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn vừa là quyền vừa là nghĩa vụ của cha mẹ, là nguyện vọng chính đáng, hợp pháp của vợ, chồng, nhưng căn cứ quyền lợi về mọi mặt và đảm bảo con được chăm sóc, giáo dục, phát triển tốt nhất cả về thể chất và trí tuệ, phù hợp với thực tế chị T đang chăm sóc, nuôi dưỡng con và nguyện vọng của con; HĐXX xét thấy cần thiết tiếp tục giao cháu D cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Chị T không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định việc cấp dưỡng.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Hồ Thị Mỹ T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét và không đề cập đến trong phần quyết định.

[6] Về tiền án phí: Chị Hồ Thị Mỹ T tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 5; Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; các Điều 70, 91, 227, 228, 235, 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2025;

- Áp dụng Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 53; Điều 54; Điều 56; Điều 58; Các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị Mỹ T.

1.Về hôn nhân: Cho chị Hồ Thị Mỹ T được ly hôn với anh Phạm Ngọc C.

2.Về con chung: Chị Hồ Thị Mỹ T và anh Phạm Ngọc C có hai con chung là cháu Phạm Thị Mỹ N, sinh ngày 01/7/2006 và cháu Phạm Thùy D, sinh ngày 28/9/2014 (Nguyện vọng được sống với mẹ).

Hiện cháu Phạm Thị Mỹ N đã thành niên và sống tự lập được.

Giao cháu Phạm Thùy D cho chị Hồ Thị Mỹ T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Chị T không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì

người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định việc cấp dưỡng.

Căn cứ các Điều 143, 144, 147, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2025; Điều 24, 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Chị Hồ Thị Mỹ T tự nguyện nộp 300.000đ tiền án phí ly hôn để sung quỹ Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai số 0004653, ngày 03/11/2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh Gia Lai. Chị T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay, đương sự có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Người vắng mặt có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

"*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-TAND tỉnh;
-VKSND khu vực x – Gia Lai;
-Các đương sự;
-THA DS tỉnh Gia Lai (Để thi hành);
-UBND phường P, tỉnh Gia Lai
(số 49, ngày 10/6/2005) (phường Hội T cũ);
-Lưu.

Hoàng Văn Tiến